



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Bê tông Ly tâm An Giang

Ngày 31/12/2024	36,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.8%	0.6%	6.4%

DT thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2024
7.4%
YoY: +/- ▼ 0.2%

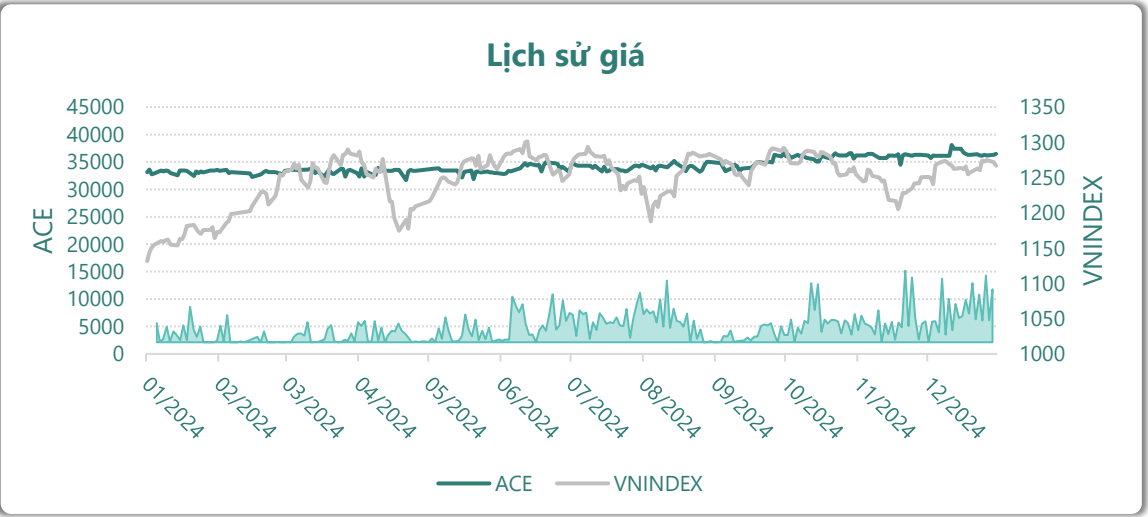
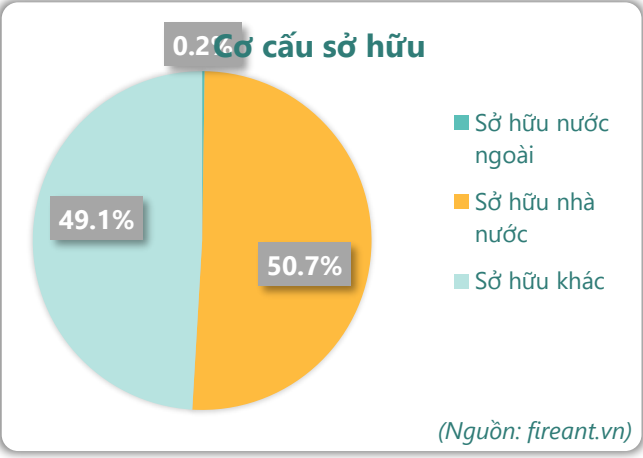
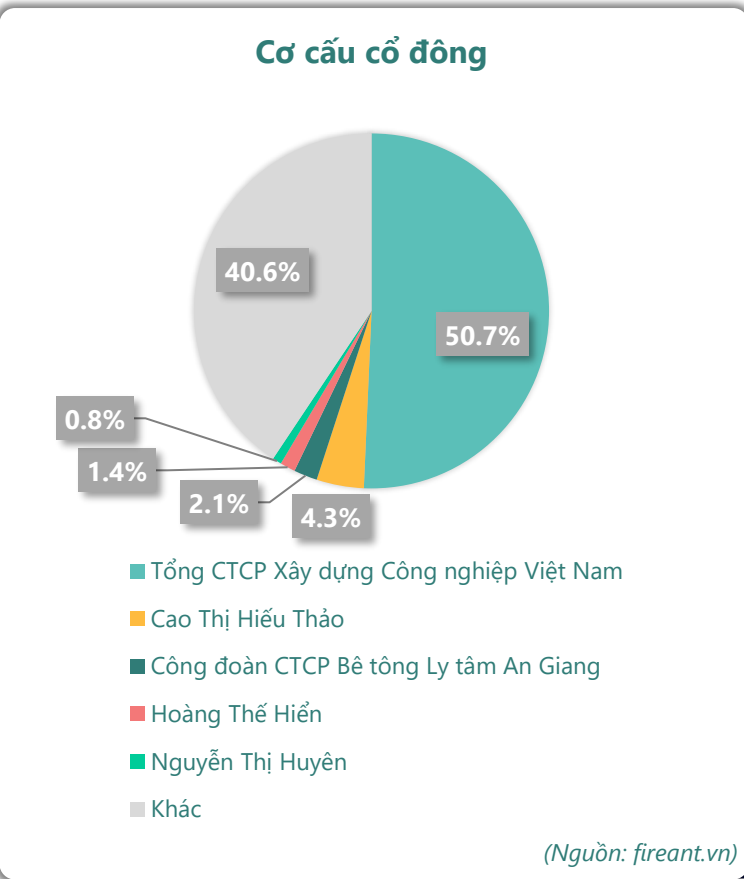
ROE 2024
21.4%
YoY: +/- ▲ 0.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	31,696 - 38,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	111
Số lượng CPLH (CP)	3,050,781
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,010
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.19
EPS	
P/E	

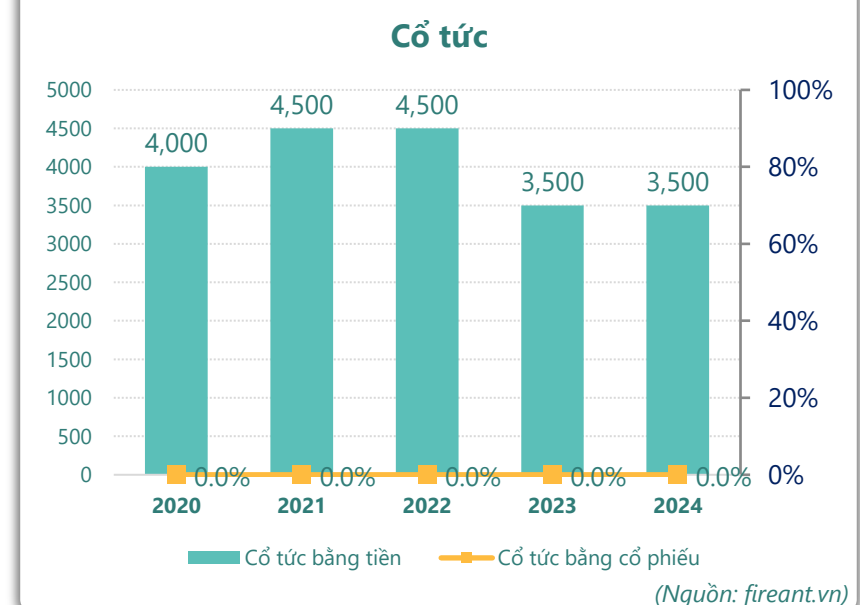
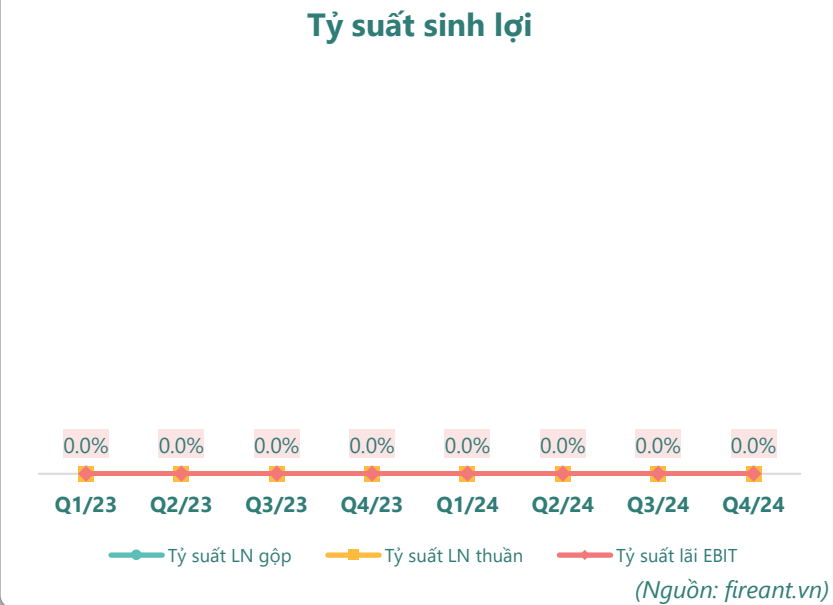
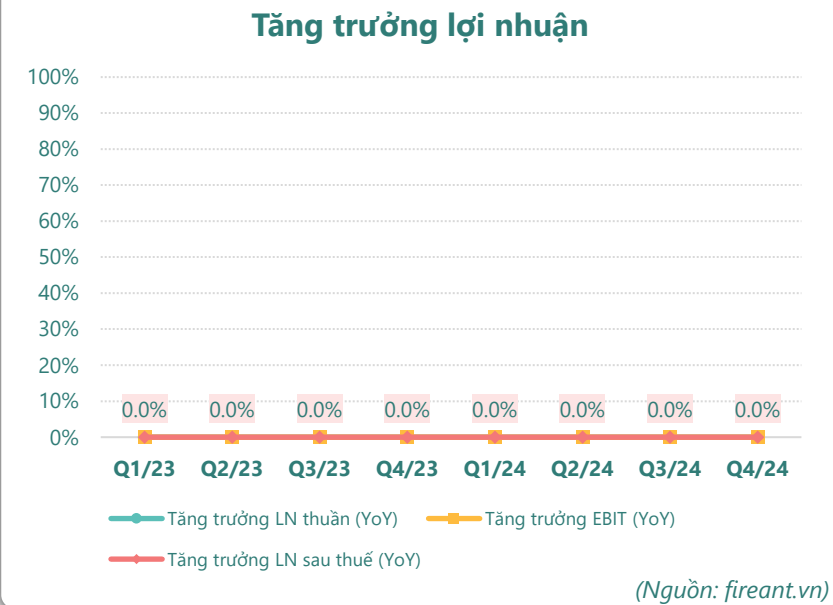
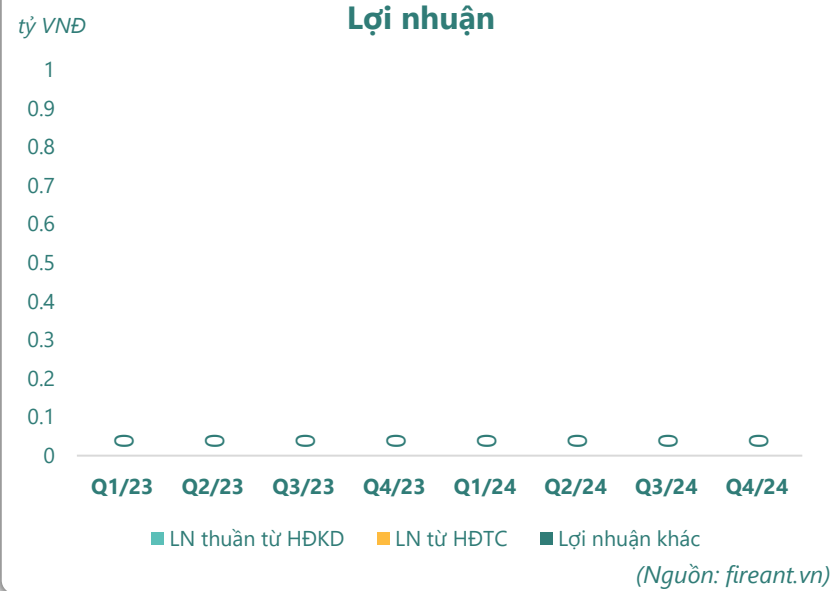
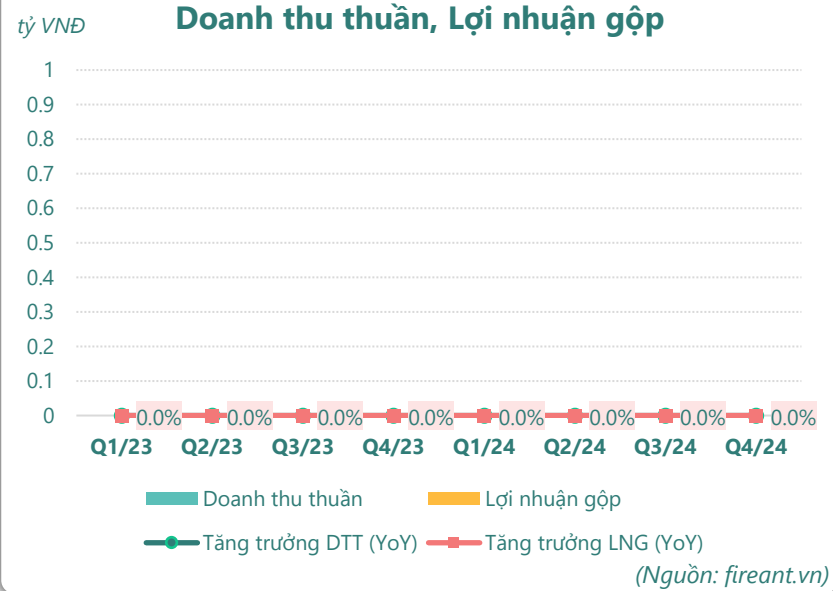
DT thuần 2024
306
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0 3.5%

LN thuần 2024
18.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.30 1.6%

LN sau thuế 2024
15.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.40 2.7%



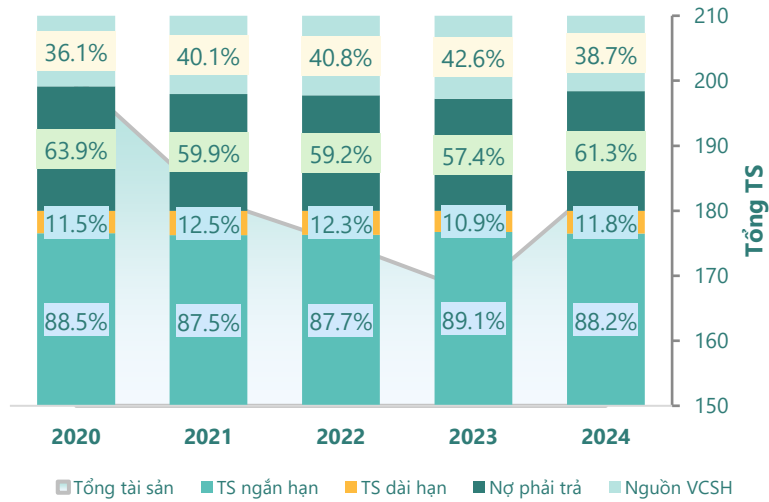
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

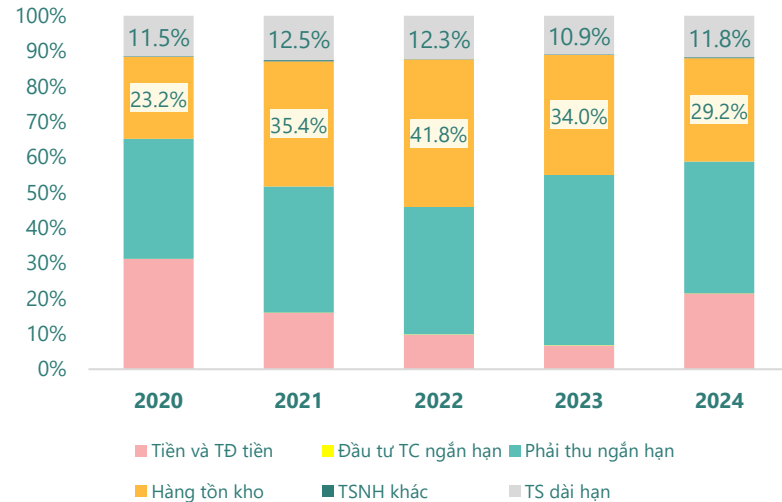
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

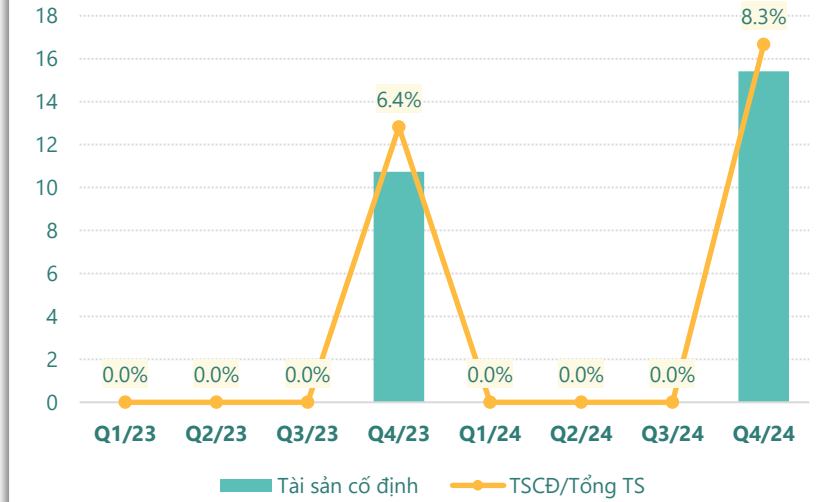
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

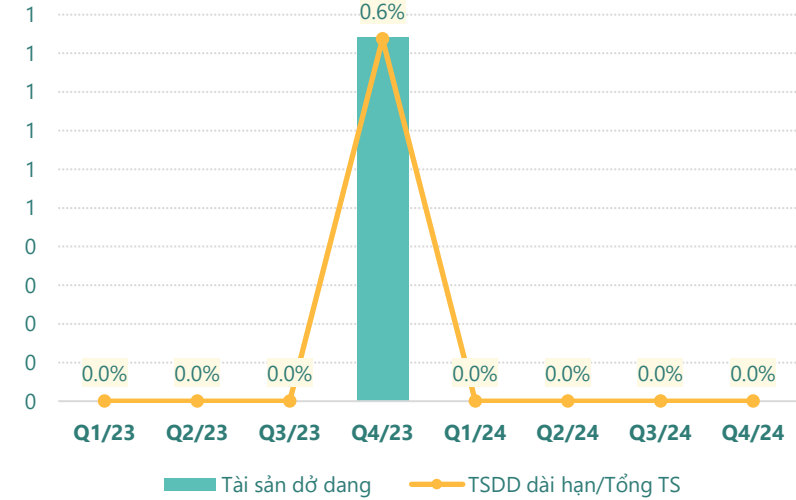
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

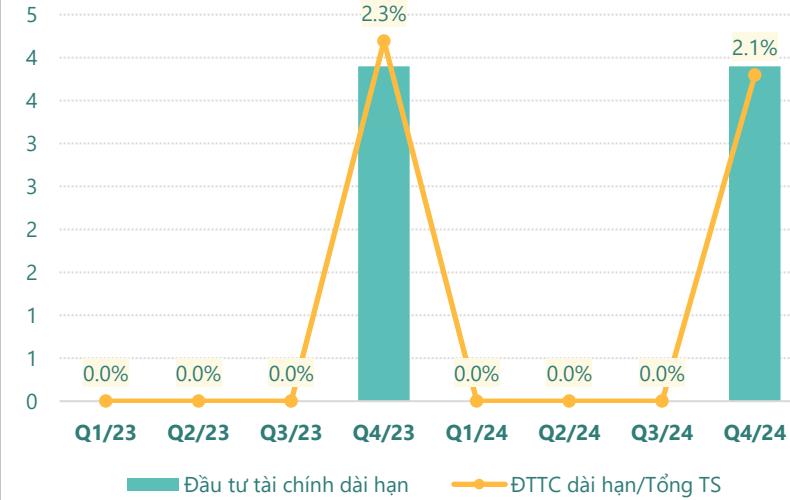
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

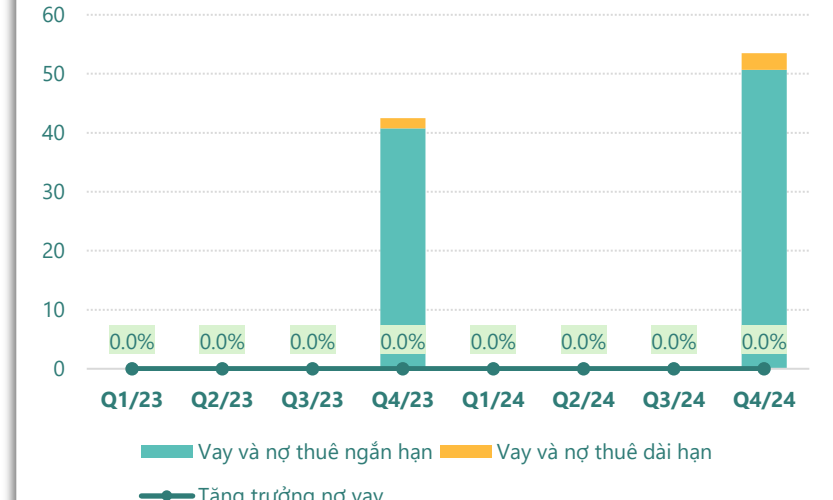
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

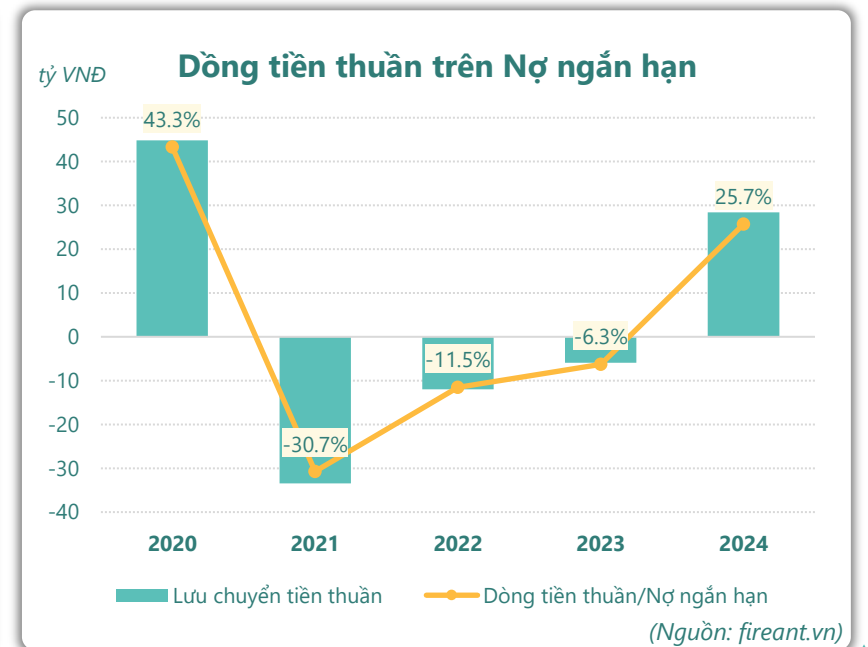
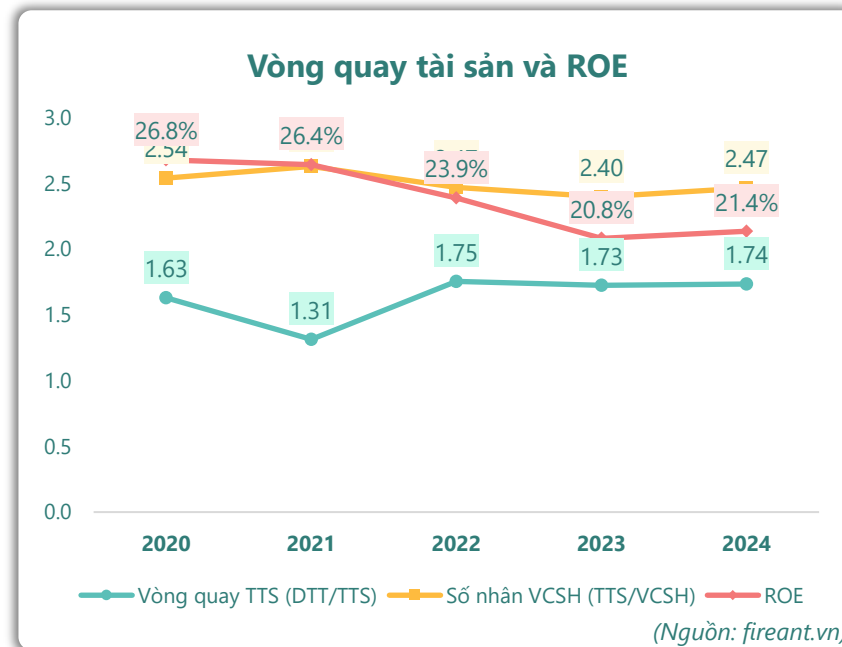
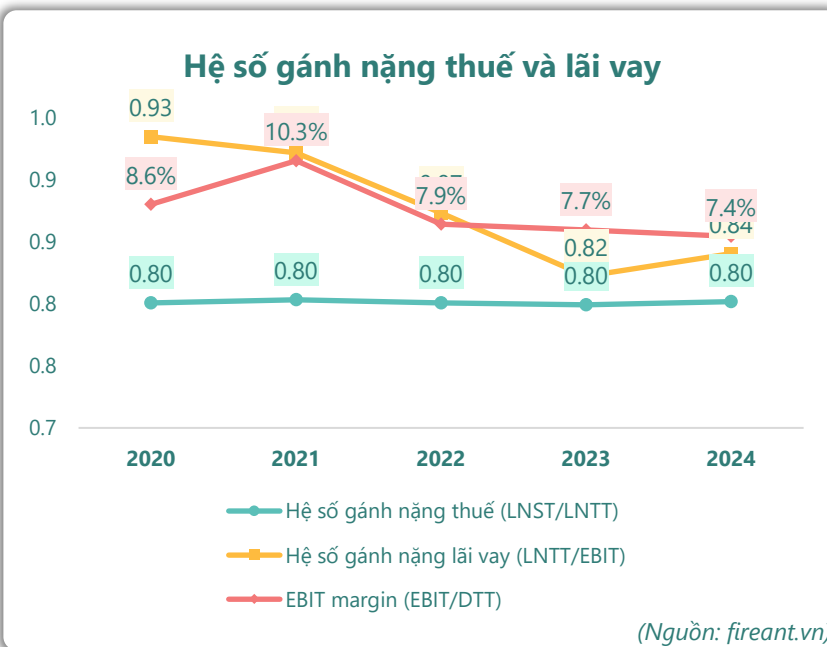
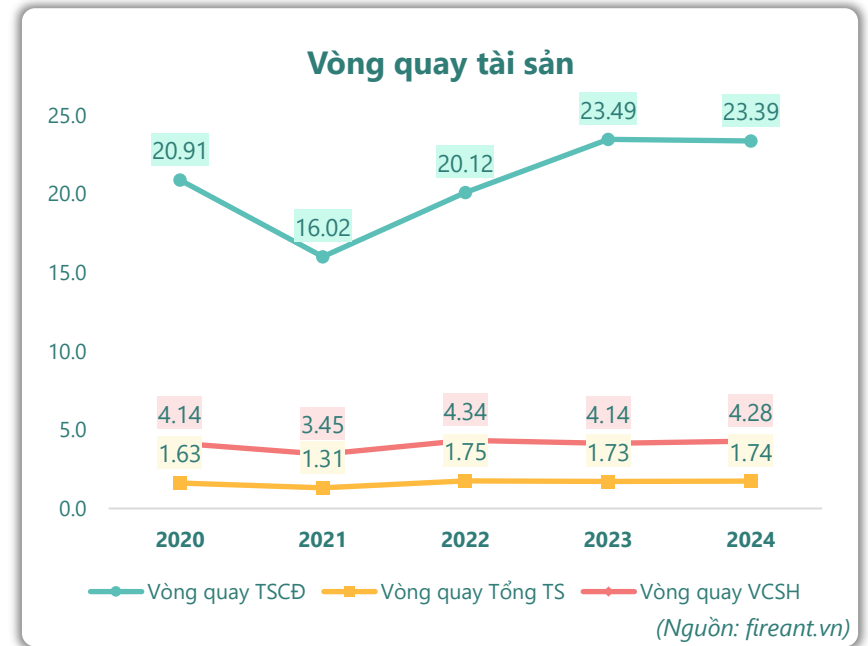
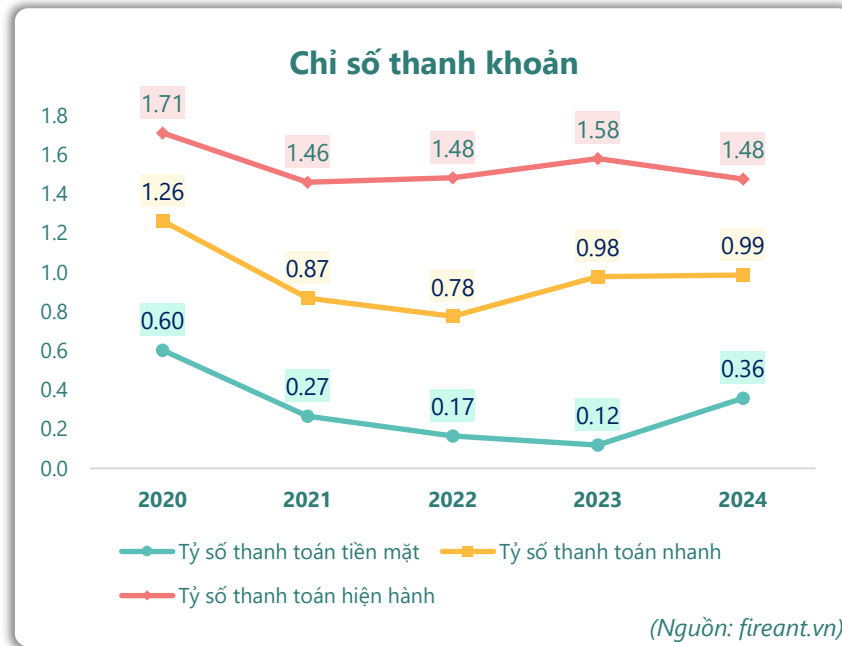
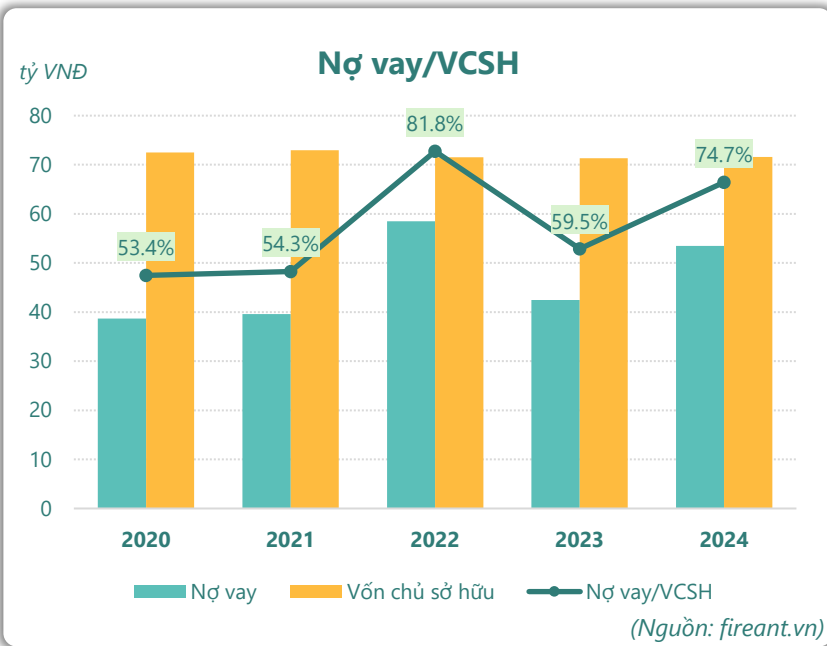
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				306	295	3.5%
Giá vốn hàng bán				252	242	4.2%
Lợi nhuận gộp				53.4	53.3	0.3%
Doanh thu HĐTC				0.56	0.34	63.0%
Chi phí TC				3.65	4.10	-10.8%
Chi phí lãi vay				3.61	4.02	-10.1%
LN trong công ty LKLD				0	0	
Chi phí bán hàng				7.22	8.99	-19.6%
Chi phí QLDN				24.2	21.9	10.4%
LN thuần từ HĐKD				18.9	18.6	1.6%
Lợi nhuận khác				0.17	0.03	546%
LN trước thuế				19.0	18.6	2.3%
Lợi nhuận sau thuế				15.3	14.9	2.7%
LNST của CĐ cty mẹ				15.3	14.9	2.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)

	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	185	167	10.4%
Tài sản ngắn hạn	163	149	9.4%
Tiền và tương đương tiền	39.6	11.2	253%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	0.11	0.0%
Phải thu ngắn hạn	68.9	80.7	-14.6%
Hàng tồn kho	54.0	56.9	-5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.48	0.27	75.2%
Tài sản dài hạn	21.8	18.3	19.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.4	10.7	43.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.94	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.90	3.90	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.44	2.69	-9.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	113	96.1	17.9%
Nợ ngắn hạn	111	94.4	17.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.7	40.8	24.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.5	23.6	-4.6%
Nợ dài hạn	2.83	1.71	65.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.83	1.71	65.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	71.6	71.3	0.3%
Vốn chủ sở hữu	71.6	71.3	0.3%
Vốn điều lệ	30.5	30.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

